

cư vào kế hoạch điều động lao động - dân cư của các ngành, các địa phương Bộ Lao động - Thương binh và xã hội sẽ tổng hợp và cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước trình Chính phủ xét duyệt. Kế hoạch di dân phải dựa trên cơ sở kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng ở vùng dự án, bảo đảm được sản xuất, đời sống nhân dân

Khi có chỉ tiêu kế hoạch chính thức, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội thống nhất với Bộ Tài chính để tổ chức cấp phát và quản lý vốn.

Nguồn kinh phí sự nghiệp di dân kinh tế mới (bao gồm sự nghiệp quản lý và sự nghiệp kinh tế) do Bộ Tài chính cấp trực tiếp bằng hạn mức theo từng kỳ cho Bộ Lao động - Thương binh và xã hội (Cục Điều động lao động) để Bộ Lao động - Thương binh và xã hội (Cục Điều động lao động) cấp cho các Chi cục, Ban Điều động lao động tỉnh, thành phố.

Việc cấp phát kinh phí theo tiến độ thực hiện kế hoạch đưa, đón dân.

Hàng năm các Chi cục, Ban Điều động lao động - dân cư tỉnh, thành phố quyết toán khoản chi này với Bộ Lao động - Thương binh và xã hội (Cục Điều động lao động) để Bộ Lao động - Thương binh và xã hội (Cục Điều động lao động) tổng hợp, quyết toán với Bộ Tài chính.

3. Trách nhiệm của các tổ chức làm công tác điều động lao động - dân cư và xây dựng vùng kinh tế mới:

- Cung cấp thông tin về những vùng dự án di dân và xây dựng vùng kinh tế mới cho nhân dân biết.

- Phổ biến chế độ trợ cấp của Nhà nước về di dân và xây dựng kinh tế mới cho nhân dân biết.

- Tổ chức thực hiện cấp phát đầy đủ, kịp thời đúng chính sách, đến tận tay hộ gia đình; Thanh quyết toán kinh phí theo chế độ tài chính hiện hành với cơ quan cấp phát và quản lý trực tiếp.

- Tổ chức thanh tra - kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách theo quy định.

4. Bảo đảm sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và sự phối hợp với

các ngành, đoàn thể thực hiện chế độ trợ cấp di dân đến hộ gia đình, tránh phiền hà và thất thoát kinh phí.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1-1-1993. Quá trình thực hiện có gì vướng mắc các địa phương phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và xã hội để nghiên cứu, giải quyết.

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội
TRẦN ĐÌNH HOAN

THÔNG TƯ số 23-LĐTBXH/TT ngày 7-7-1993 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm.

Thi hành Nghị định số 25-CP ngày 23-5-1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang và Nghị định số 26-CP ngày 23-5-1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới trong các doanh nghiệp, sau khi có sự thỏa thuận của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm như sau:

I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA

Phụ cấp độc hại, nguy hiểm nhằm bù đắp cho công nhân, viên chức làm việc ở nơi độc hại, nguy hiểm nhưng chưa được xác định trong mức lương.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Đối tượng áp dụng phụ cấp độc hại, nguy hiểm bao gồm:

1. Công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp; viên chức quản lý, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ trong các doanh nghiệp; cán bộ, nhân viên trong các cơ quan Đảng, đoàn thể trong thời gian làm việc trực tiếp tại nơi độc hại, nguy hiểm.

2. Công nhân làm việc ở một số nghề hoặc công việc đặc biệt độc hại, nguy hiểm nhưng chưa xác định trong mức lương.

III. ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG PHỤ CẤP ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM

Những nghề, công việc hoặc nơi làm việc có một trong những điều kiện dưới đây thì được xem xét áp dụng phụ cấp độc hại, nguy hiểm:

1. Tiếp xúc trực tiếp với chất độc, khí độc, bụi độc với nồng độ cao, cơ thể dễ bị nhiễm độc gây bệnh nghề nghiệp;

2. Làm việc trong môi trường chịu áp suất cao hoặc thiếu dưỡng khí, không khí mà không khắc phục được bằng phương tiện bảo hộ lao động, chưa thể hoặc không thể khắc phục hết những ảnh hưởng xấu đến cơ thể con người;

3. Làm việc ở nơi quá nóng hoặc quá lạnh phát sinh từ công nghệ sản xuất mà không khắc phục được;

4. Những công việc phát sinh tiếng ồn lớn hoặc làm việc ở nơi có độ rung liên tục với tần số cao vượt quá tiêu chuẩn an toàn lao động và vệ sinh lao động cho phép;

5. Treo người trên cao ở mức độ tác động xấu đến sức khỏe;

6. Làm việc ở nơi có phóng xạ, tia bức xạ lớn hoặc điện từ trường vượt quá tiêu chuẩn cho phép;

7. Làm việc ở môi trường dễ bị lây nhiễm và mắc bệnh.

IV. MỨC PHỤ CẤP ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM

Phụ cấp độc hại, nguy hiểm gồm 4 mức: 0,1; 0,2; 0,3; và 0,4 so với mức lương tối thiểu được quy định như sau:

Mức	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện từ ngày 1-4-1993
1	0.10	7.200 đồng
2	0.20	14.400 đồng
3	0.30	21.600 đồng
4	0.40	28.000 đồng

V. CÁCH TRẢ PHỤ CẤP ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM

1. Phụ cấp độc hại, nguy hiểm được tính theo thời gian thực tế làm việc tại nơi độc hại, nguy hiểm. Nếu làm việc từ 1 giờ đến dưới 4 giờ thì được tính nửa ngày; nếu làm việc từ 4 giờ trở lên thì được tính cả ngày.

2. Phụ cấp độc hại, nguy hiểm được trả cùng kỳ lương hàng tháng.

Đối với đối tượng hưởng lương từ ngân sách, phụ cấp độc hại, nguy hiểm do ngân sách Nhà nước chi trả theo phân cấp ngân sách hiện hành. Đối với doanh nghiệp, phụ cấp độc hại, nguy hiểm được tính trong đơn giá tiền lương và hạch toán vào giá thành hoặc phí lưu thông.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đề Bộ Lao động - Thương binh và xã hội thỏa thuận với Bộ Tài chính ban hành và quản lý thống nhất danh mục nghề và công việc được áp dụng phụ cấp độc hại, nguy hiểm trong phạm vi cả nước, yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương có văn bản đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội các chức danh nghề, công việc thuộc Bộ, ngành, địa phương quản lý được hưởng phụ cấp độc hại, nguy hiểm. Trong văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ sau:

1. Danh mục nghề và công việc độc hại, nguy hiểm (kèm theo bản thuyết minh điều kiện độc hại, nguy hiểm) được cơ quan y học lao động xác nhận.

2. Mức phụ cấp độc hại, nguy hiểm được hưởng ứng với nghề hoặc công việc.

3. Căn cứ vào số đối tượng đề nghị tính quỹ phụ cấp độc hại, nguy hiểm, trong đó tách riêng phần quỹ do ngân sách Nhà nước chi trả.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1-4-1993. Các quy định trái với những quy định tại Thông tư này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
TRẦN ĐÌNH HOAN